

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 199/2023/HS-ST

Ngày: 26 – 12 – 2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Ngọc Kính.

2/ Ông Nguyễn Thanh Tú Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Viết Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 và 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 202/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/HSST-QĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 427/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Lê Khải D (tên gọi khác: Thái E), sinh ngày 04 tháng 5 năm 2001, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số G B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Khải Đ và bà Võ Ngọc Thu V (đã chết); vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 185/2019/HS-ST ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đến ngày 23/4/2021 chấp hành xong hình phạt tù (thời điểm phạm tội bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi).

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/10/2022 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa).

2/ Lê Khải T (tên gọi khác: Thái Ú), sinh ngày 18 tháng 9 năm 2002, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số G B, Phường A, Quận H, Thành

phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Khải Đ và bà Võ Ngọc Thu V (đã chết); vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HS-ST ngày 20/3/2020, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đến ngày 13/8/2021 chấp hành xong bản án (thời điểm phạm tội bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi).

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2022 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa).

3/ Lưu Hoàng P, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1998, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Số F Ụ C, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Đức S (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mỹ L; vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HS-ST ngày 28/4/2020, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và đến ngày 01/3/2022 chấp hành xong bản án.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Quyết định số 593/2018/QĐ-TA ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 16 (mười sáu) tháng, tại cơ sở cai nghiện ma túy P và đến ngày 06/11/2019 chấp hành xong (được giảm thời hạn chấp hành 02 (hai) tháng 12 (mười hai) ngày).

+ Tại Quyết định số 34/2022/QĐ-TA ngày 01/4/2022, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 18 (mười tám) tháng, tại Cơ sở cai nghiện ma túy P1; sau đó bị tạm thời đưa ra khỏi cơ sở cai nghiện vì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam vào ngày 20/7/2022).

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2022 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa).

4/ Lý Bình C, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1992, tại: Bến Tre; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Thợ sơn nước; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Anh H và bà Nguyễn Thị H1; vợ: Không nhớ rõ; con: Có 01 (một) con (sinh năm: 2016).

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Tại Quyết định số 208/2020/QĐ-TA ngày 31/7/2020, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 21 (hai mươi một) tháng, tại Cơ sở cai nghiện

ma túy Số 3 và đến ngày 13/12/2021 chấp hành xong (được giảm thời hạn chấp hành 75 (bảy mươi lăm) ngày).

- Nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2009/HSST ngày 07/5/2009, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản” và đến ngày 30/8/2010 chấp hành xong bản án (thời điểm phạm tội bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi).

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 239/2012/HSST ngày 28/8/2012, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản” và đến ngày 06/7/2015 chấp hành xong.

+ Tại Quyết định số 63/2018/QĐ-TA ngày 09/02/2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 21 (hai mươi một) tháng, tại cơ sở cai nghiện ma túy Đức H2 và đến ngày 30/8/2019 chấp hành xong (được giảm thời hạn chấp hành 15 (mười lăm) ngày).

- Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giam từ ngày 05/5/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

**Bị hại (trong vụ án cướp giật tài sản):*

1. Bà: Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Số E V, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2. Chị: Hoàng Nguyễn Hoài T1, sinh năm: 2001; nơi cư trú (HKTT: Số D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: Số A P, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

**Bị hại (trong vụ án cố ý gây thương tích):*

Ông: Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 1980; nơi cư trú (HKTT: Số B M, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số E V, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (cướp giật tài sản):*

1. Anh: Lý Chanh Sà R, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

2. Anh: Ôn Chí T2, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Số G B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Khải D (tự Thái Em) cùng em ruột là Lê Khải T (tự Thái Ú), Lưu Hoàng P và Lý Bình C là các đối tượng không có nghề nghiệp ổn định và thường xuyên sử dụng ma túy; D, T, P, C đã cùng nhau tham gia thực hiện các hành vi phạm tội trên địa bàn Quận H như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 30/01/2022, sau khi đi nhậu xong, D chạy xe gắn máy hiệu Vision, biển số: 59M1-912.87 chở P đi trên đường N, Phường I, Quận H (hướng về Phường A, Quận H) để về nhà. Khi đang trên đường đi thì D phát hiện bà Nguyễn Thị Tuyết A đang cầm trên tay một chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F9 và đang đi bộ trước số nhà C N, Phường I, Quận H theo hướng cùng chiều với hướng đi của

D và P. Do đang thiếu tiền tiêu xài, D rủ thì P đồng ý giật chiếc điện thoại của bà Tuyết A.

Thực hiện ý định trên, D chạy xe chở P từ phía sau vượt lên áp sát bên tay trái của bà Tuyết A, lúc này P ngồi phía sau xe do D chở dùng tay phải giật chiếc điện thoại của bà Tuyết A; nhưng P chưa giật được chiếc điện thoại thì cả hai đã bị ông Nguyễn Tuấn K (là chồng bà Tuyết A) đang đứng phía trước phát hiện và tri hô “Cướp”; đồng thời, ông K chặn xe của D và P; nên D và P chạy bộ tẩu thoát và bỏ lại chiếc xe biển số 59M1-912.87 lại hiện trường.

Vụ thứ 2: Do ám ức việc ông K gây cản trở D và P giật điện thoại di động của bà Tuyết A (như nêu trên), nên D có ý định sẽ gây thương tích cho ông K.

Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 30/01/2022, D gặp Nguyễn Minh H3 (tự là H4) và kể với H3 là D và P trên đường đi nhậu về thì bị quẹt xe ở khu vực L (thuộc Phường I, Quận H), sau đó đã bị giữ lại chiếc xe (D không có nói cho H3 biết việc D và P trước đó giật điện thoại của bà Tuyết A, nhưng không thành) và D nhờ H3 chở D đến khu vực L (thuộc Phường I, Quận H) để tìm chém ông K thì H3 đồng ý. Sau đó, Dương cầm theo một cây mã tấu (do D chuẩn bị sẵn trước đó) và để dưới yên xe, rồi ngồi đề lên trên.

Sau đó, H3 chở D bằng xe Wave màu đỏ (không rõ biển số, do H3 mượn của một người bạn quen biết ngoài xã hội, không rõ lai lịch và đã trả lại chiếc xe sau đó vài ngày) đi đến đường N (thuộc Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). Trên đường đi, D phát hiện ông K, nên D nói cho H3 biết; nhưng khi đến gần thì H3 phát hiện ông K là người quen của H3, nên H3 ngăn cản và không đồng ý để D chém ông K; nên D và H3 bỏ về.

Sau khi H3 chở D về đến đầu hẻm nhà của D tại Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thì D, H3 gặp Lý Bình C đang điều khiển xe gắn máy Wave, màu đỏ chở Lê Khải T về đến {xe Wave, màu đỏ không rõ biển số, xe do C mượn trước đó của một người bạn quen biết ngoài xã hội, không rõ lai lịch để chở con đi học (lúc này xe của C bị hư và đang sửa chữa) và khoảng hai ngày sau thì C đã trả lại chiếc xe trên cho bạn của C}. Tại đây, D nói cho C biết việc D, H3 vừa đi chém người, nhưng gặp phải người quen của H3; nên không chém được. Đồng thời, D kêu T chở H3 về nhà H3 và D nhờ C chở D quay lại chém ông K. Nghe vậy, H3 không đồng ý việc này và do ông K là người quen của H3, nên H3 quay lại nói chuyện với ông K để dàn xếp mọi việc để tránh xảy ra mâu thuẫn. Sau đó, H3 điều khiển xe Wave màu đỏ nêu trên chở T quay lại gặp ông K để nói chuyện. Sau khi H3 và T đi, D tiếp tục rủ C đến chém ông K. Do là bạn bè quen biết đã lâu, nên C đồng ý chở D đi chém ông K (nhưng C không rõ lý do việc D muốn chém ông K và C không biết ông K là ai); sau đó, C sử dụng xe Wave màu đỏ của C chở D đến đường N (thuộc Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) và lúc này Dương cầm theo một cây dao bản bầu, màu đen dài khoảng 40cm bỏ bên trong áo khoác. Khi đến khu vực đường N trên thì D, C phát hiện H3, T đang ngồi trên xe nói chuyện với ông K tại trước số F N, Phường I, Quận H; nên sau khi H3 và T vừa chạy đi, ông K đứng nhìn theo H3, T thì C liền chở D chạy xe từ phía sau xông đến và D ngồi sau xe dùng cây dao chém một nhát trúng vào phần lưng của ông K gây thương tích; rồi cả hai nhanh chóng tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, D đã vứt bỏ cây dao xuống khu vực bờ kè trên đường Ụ, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nhưng không nhớ đoạn nào); nên Cơ quan điều tra

không thu hồi được. Sau khi gây án, C thu dọn đồ đạc và trả lại phòng thuê đang ở tại xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh rồi trốn về lưu trú tại nhiều nơi tại Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, C bị Cơ quan Công an phát hiện đưa về làm việc và đã khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện cùng D như nêu trên.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 22/9/2022, Lê Khải D điều khiển xe gắn máy Luvias, biển số 83P2-011.64 chở Lê Khải T ngồi phía sau đi đến hẻm gần nhà thờ N (thuộc Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) để mua gà về nuôi. Khi đi ngang qua hẻm cạnh nhà số H P, Phường D, Quận H thì D phát hiện chị Hoàng Nguyễn Hoài T1 đang ngồi trên xe ba bánh chở hàng và sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung A03S trước nhà số H P, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này, D quay đầu xe, chạy vào hẻm và ra hiệu cho T giật điện thoại của chị T1 thì T đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe chạy ngang áp sát từ phía trước bên phải chỗ chị T1 đang ngồi và T ngồi phía sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A03S của chị T1 (đang đặt trên đùi) rồi D tăng ga xe chở T chạy ra đường P tẩu thoát. Sau khi gây án, T đưa điện thoại cho D đi bán. D đem bán chiếc điện thoại nêu trên cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại đường T (thuộc Quận E, nhưng không rõ địa chỉ) được 1.000.000 đồng và chia cho T 500.000 đồng, D hưởng 500.000 đồng (số tiền có được, D và T đã tiêu xài hết).

Ngày 07/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q phát hiện và đưa Lý Bình C về làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, C khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện và sau khi được tạm cho về để chờ kết quả giám định thương tích của ông K mới xử lý thì C đã bỏ trốn, sống lang thang ở nhiều nơi; sau đó bị truy nã. Ngày 05/5/2023, Công an xã L, huyện C, tỉnh Long An đã bắt được Lý Bình C (theo Quyết định truy nã); sau đó bàn giao Chiêu cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q giải quyết theo quy định.

Đối với Lê Khải D, sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q ra Quyết định truy tìm. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q phát hiện D và đưa D về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Ngày 26/9/2022, Phòng PCông an T3 kết hợp với Công an P2, Quận H phát hiện và đưa Lê Khải T về làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, T đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Ngày 16/3/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận H có kết luận và xác định giá trị còn lại của chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F9 (của bà Nguyễn Thị Tuyết A) là 1.000.000 (một triệu) đồng.

Ngày 02/3/2022, Trung tâm P3 – Sở Y tế Thành phố H có kết luận giám định số 107/TgT.22 đối với thương tích của Nguyễn Tuấn K như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phần mềm vùng bả vai trái đã được điều trị, hiện còn một sẹo kích thước 20,5x(0,1-0,4)cm, tình trạng ổn định.

2. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

- Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02% (hai phần trăm).

3. Kết luận khác:

- Vết thương do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra, không gây nguy hiểm tính mạng.

Ngày 29/3/2022, ông K có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự “Cố ý gây thương tích”.

Ngày 21/10/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận H có kết luận và xác định giá trị còn lại của chiếc điện thoại hiệu Samsung A03S (của chị Hoàng Nguyễn Hoài T1) là 2.170.000 (hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

+ 01 chiếc xe Vision, biển số 59M1-912.87 (do ông Nguyễn Tuấn K giao nộp). Qua giám định, số khung, số máy của chiếc xe không thay đổi. Nguồn gốc chiếc xe do bà Trần Thị Kim L1 đứng tên chủ sở hữu và đã bán lại cho ông Lưu Đức H5 (anh ruột của Lưu Hoàng P), nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Ông H5 cho P mượn xe để đi công việc, sau đó P sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản và ông H5 không biết. Do đó, ngày 13/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại chiếc xe trên cho ông Lưu Đức H5 và ông H5, cũng như bà L1 không có yêu cầu gì khác liên quan đến chiếc xe trên.

+ 01 chiếc xe Luvias, biển số 83P2-011.64 (thu giữ của Lê Khải T). Qua giám định, số khung, số máy của chiếc xe không thay đổi. Nguồn gốc chiếc xe do anh LÝ CHANH SÀ RÂY đứng tên chủ sở hữu và anh LÝ CHANH SÀ RÂY khai nhận việc mua chiếc xe này từ năm 2014 và sử dụng đến năm 2019 thì bán lại cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) và không có làm thủ tục sang tên theo quy định. Qua làm việc, Lê Khải D khai nhận chiếc xe do người anh họ là Ôn Chí T2 cho mượn để đi mua gà về nuôi. Tại Cơ quan điều tra, anh T2 khai nhận chiếc xe Luvias, biển số 83P2-011.64 được một người đàn ông (không rõ lai lịch) cho anh T2, có kèm theo giấy đăng ký xe bản chính và giấy Chứng minh nhân dân mang tên LÝ CHANH SÀ RÂY (bản phô tô). Việc D mượn xe của anh T2, nhưng sau đó sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản thì anh T2 không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã đề nghị cơ quan báo chí đăng thông báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe nêu trên, nhưng đến nay vẫn chưa có người liên hệ giải quyết.

+ 01 USB hiệu Kingston (do chị Hoàng Nguyễn Hoài T1 giao nộp), bên trong chứa hình ảnh camera nội dung liên quan đến vụ “Cướp giật tài sản” xảy ra vào ngày 22/9/2022, tại trước nhà số H P, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (đang lưu theo hồ sơ vụ án).

Trách nhiệm dân sự:

+ Ông Nguyễn Tuấn K có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự “Cố ý gây thương tích” và không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự.

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết A không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự.

+ Chị Hoàng Nguyễn Hoài T1 có yêu cầu bồi thường số tiền 2.500.000 đồng (trị giá của chiếc điện thoại đã bị chiếm đoạt và không thu hồi được).

Đối với Nguyễn Minh H3 sau khi phát hiện ông Nguyễn Tuấn K (là người mà Lê Khải D muốn gây thương tích) là người quen của H3, nên H3 đã ngăn cản ý định của D và không có tham gia, cũng như không có liên quan đến thương tích của ông K; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q không có căn cứ để xử lý H3 trong vụ án này.

Đối với người đàn ông (không rõ lai lịch) có hành vi mua chiếc điện thoại hiệu Samsung A03S (do D và T cướp giật được đem bán), do không xác định được lai lịch; nên Cơ quan điều tra Công an Q không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

* Bản cáo trạng số 168/CT-VKS-Q8 ngày 21/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Các bị cáo: Lê Khải D, Lê Khải T, Lưu Hoàng P về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Các bị cáo: Lê Khải D, Lý Bình C về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, điểm i Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm a, điểm i Khoản 1 Điều 134; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 55 và áp dụng thêm Điều 15; Khoản 3 Điều 57 (đối với vụ án cướp giật tài sản của bị hại Nguyễn Thị Tuyết A, xảy ra vào ngày 30/01/2022) của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Lê Khải D mức án tù 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

2/ Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 và áp dụng thêm Điều 15; Khoản 3 Điều 57 (đối với vụ án cướp giật tài sản của bị hại Nguyễn Thị Tuyết A, xảy ra vào ngày 30/01/2022) của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Lưu Hoàng P mức án tù 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù đến 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

3/ Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Lê Khải T mức án tù 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

4/ Áp dụng điểm a, điểm i Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Lý Bình C mức án tù 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

5/ Về hình phạt bổ sung (vụ án cướp giật tài sản): Miễn phần hình phạt bổ sung cho các bị cáo (do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khó thi hành).

6/ Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc các bị cáo: Lê Khải D và Lê Khải T cùng liên đới bồi thường cho bị hại Hoàng Nguyễn Hoài T1, với số tiền theo yêu cầu của bị hại T1 mà các bị cáo đã đồng ý bồi thường và thực hiện việc bồi thường theo quy định của pháp luật.

+ Không giải quyết đối với trường hợp của bị hại Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Thị Tuyết A (vì không có yêu cầu).

7/ Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu lưu hồ sơ 01 USB (vì có liên quan đến vụ án).

+ Tiếp tục đăng thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe Luvias, biển số 83P2-011.64 theo quy định và xử lý theo quy định của pháp luật.

* Các bị cáo: Lê Khải D, Lê Khải T, Lý Bình C, Lưu Hoàng P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện và không tranh luận, không bào chữa; các bị cáo chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo: Lê Khải D, Lê Khải T, Lý Bình C, Lưu Hoàng P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như Cáo trạng đã nêu.

Xét lời khai nhận của các bị cáo: Lê Khải D, Lê Khải T, Lý Bình C, Lưu Hoàng P phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Qua định giá, các tài sản bị chiếm đoạt như sau:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động của bị hại Nguyễn Thị Tuyết A có trị giá là 1.000.000 (một triệu) đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động của bị hại H5 Nguyễn Hoài T1 có trị giá là 2.170.000 (hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng).

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà bị cáo Lê Khải D đã tham gia chiếm đoạt trong 02 (hai) vụ cướp giật tài sản là 3.170.000 (ba triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng); trị giá tài sản mà bị cáo Lê Khải T đã tham gia chiếm đoạt trong 01 (một) vụ cướp giật tài sản là 2.170.000 (hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng); trị giá tài sản mà bị cáo Lưu Hoàng P đã tham gia chiếm đoạt trong 01 (một) vụ cướp giật tài sản là 1.000.000 (một triệu) đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng);

[4] Đồng thời, các bị cáo: Lê Khải D, Lê Khải T, Lưu Hoàng P đã sử dụng phương tiện là xe gắn máy có phân khối lớn, rồi nhanh chóng tiếp cận để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại (Nguyễn Thị Tuyết A, Hoàng Nguyễn Hoài T1), sau đó lập tức tăng ga phóng nhanh để tẩu thoát khỏi hiện trường, đe dọa đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe của bị hại cũng như của những người tham gia giao thông và của chính bản thân của các bị cáo; nên các bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp “Sử dụng thủ đoạn nguy hiểm”.

[5] Ngoài ra, bị cáo Lê Khải D và bị cáo Lý Bình C đã có hành vi dùng một cây dao bản bầu, màu đen, dài khoảng 40cm vô cớ bất ngờ tấn công gây thương tích cho bị

hại Nguyễn Tuấn K, với tỷ lệ thương tích là 02% (hai phần trăm); nên thuộc trường hợp “sử dụng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ”.

[6] Do đó, với hành vi đã thực hiện và với trị giá tài sản bị chiếm đoạt, cũng như với tỷ lệ tổn thương cơ thể; đã có đủ cơ sở để kết luận:

- Các bị cáo: Lê Khải D, Lê Khải T, Lưu Hoàng P đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên, đối với vụ án cướp giật tài sản của bị hại Nguyễn Thị Tuyết A, xảy ra vào ngày 30/01/2022 thì bị cáo Lê Khải D và bị cáo Lưu Hoàng P phạm tội thuộc trường hợp “chưa đạt” theo quy định tại Điều 15 và Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Các bị cáo: Lê Khải D, Lý Bình C đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, điểm i Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Lê Khải D phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” và bị cáo Lưu Hoàng P trong lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm”; đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà các bị cáo phải chịu. Ngoài ra, các bị cáo đều có quá trình nhân thân xấu (các bị cáo là người nghiện ma túy và đã từng bị Tòa án xét xử), lẽ ra các bị cáo phải biết tu dưỡng, sửa chữa lỗi lầm và phấn đấu thành công dân sống có ích cho gia đình, cho xã hội; ngược lại, các bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Riêng đối với bị cáo Lý Bình C sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn và bị truy nã, nên cũng đã gây khó khăn cho quá trình tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải lưu ý khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cho tương xứng và phù hợp.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[9] Về tính đồng phạm: Đây là vụ án có đồng phạm (02 vụ cướp giật tài sản và cố ý gây thương tích), nhưng mang tính chất giản đơn, không có tính tổ chức; trong đó, bị cáo Lê Khải D là người rủ rê, các bị cáo còn lại với vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực. Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc về vai trò đồng phạm, cũng như tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định mức hình phạt cho tương xứng và phù hợp.

[10] Trong lần xét xử này, bị cáo Lê Khải D phải bị tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[11] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội; quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung một số tiền nhất định từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành, nên Hội đồng xét xử miễn cho các bị cáo phần hình phạt bổ sung.

[13] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với vụ án “Cướp giật tài sản” của bị hại Hoàng Nguyễn Hoài T1: Bị hại T1 có yêu cầu các bị cáo đã chiếm đoạt chiếc điện thoại phải bồi thường một lần số tiền 2.500.000 đồng (trị giá của chiếc điện thoại di động đã bị chiếm đoạt, không thu hồi được).

Tại phiên tòa, các bị cáo (Lê Khải D, Lê Khải T) đồng ý liên đới bồi thường số tiền nêu trên theo yêu cầu của bị hại T1 (mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$ của số tiền 2.500.000 đồng = 1.250.000 đồng), nhưng các bị cáo xin được thực hiện bồi thường nhiều lần, sau khi chấp hành án trở về.

Xét, giữa các bị cáo và bị hại đã thống nhất với nhau số tiền các bị cáo phải bồi thường cho bị hại như nêu trên; nhưng hai bên không thống nhất về phương thức, thời gian thực hiện bồi thường.

Theo quy định của pháp luật về nguyên tắc bồi thường thiệt hại thì thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Vì vậy, các bị cáo (Lê Khải D, Lê Khải T) phải có trách nhiệm liên đới thực hiện việc bồi thường một lần số tiền nêu trên cho bị hại Hoàng Nguyễn Hoài T1, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Đối với vụ án “Cướp giật tài sản” của bị hại Nguyễn Thị Tuyết A: Bị hại Nguyễn Thị Tuyết A không yêu cầu và vắng mặt tại phiên tòa, nên không xem xét giải quyết.

- Đối với vụ án “Cố ý gây thương tích”: Bị hại Nguyễn Tuấn K không có yêu cầu và vắng mặt tại phiên tòa, nên không xem xét giải quyết.

[14] Về xử lý vật chứng:

- Những vật chứng có liên quan đến vụ án, nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q không thu hồi được; nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

- 01 USB màu xám, hiệu Kingston (do bị hại T1 giao nộp): Là tài liệu, chứng cứ, dữ liệu điện tử và bên trong chứa dữ liệu hình ảnh có liên quan đến vụ án; nên cần tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

- Những vật chứng không có liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Những tài sản bị chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả cho bị hại là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Chiếc xe Luvias, biển số 83P2-011.64, số khung: RLCL1SK10DY002899, số máy: 1SK1-002896 (qua giám định không thay đổi số khung, số máy), hiện nay chưa xác định của chủ sở hữu hợp pháp; tuy nhiên, bị cáo D đã mượn của anh Ôn Chí T2 để đi mua gà (lúc này anh T2 đang là người đang quản lý hợp pháp chiếc xe) và sau đó bị cáo D đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng anh T2 không biết. Do đó, cần tiếp tục tạm giữ và đăng thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01

(một) năm, để truy tìm và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp; nếu quá thời hạn nêu trên mà không có người thừa nhận hợp pháp thì trả lại cho anh Ôn Chí T2.

[15] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo trong vụ án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bị cáo Lê Khải D và bị cáo Lê Khải T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] Đối với Nguyễn Minh H3, sau khi phát hiện ông Nguyễn Tuấn K (là người mà Lê Khải D muốn gây thương tích) là người quen của H3, nên H3 đã có hành động ngăn cản ý định của D và không có tham gia, cũng như không có liên quan đến thương tích của ông K; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q không có căn cứ để xử lý H3 trong vụ án này là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[17] Đối với người đàn ông (không rõ lai lịch) đã mua chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A03S (do bị cáo D và bị cáo T chiếm đoạt của bị hại T1), do không xác định được lai lịch; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q không có đủ căn cứ để xử lý trong vụ án này là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; Điều 15; Điều 57 (đối với vụ án cướp giật tài sản của bị hại Nguyễn Thị Tuyết A); điểm a, điểm i Khoản 1 Điều 134; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt: **1/ Bị cáo** Lê Khải D 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản” và 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

Tổng hợp hình phạt tù chung buộc bị cáo Lê Khải D phải chấp hành của 02 (hai) tội danh là 06 (sáu) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2022.

- Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; Điều 15; Điều 57 (đối với vụ án cướp giật tài sản của bị hại Nguyễn Thị Tuyết A); điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt: **2/ Bị cáo** Lưu Hoàng P 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2022.

- Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt: **3/ Bị cáo** Lê Khải T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2022.

- Căn cứ điểm a, điểm i Khoản 1 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt: **4/ Bị cáo** Lý Bình C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2023.

- Về hình phạt bổ sung (tội cướp giật tài sản): Không áp dụng hình phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo Lê Khải D, Lê Khải T, Lưu Hoàng P.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với vụ án “Cướp giật tài sản” của bị hại Nguyễn Thị Tuyết A: Không xem xét giải quyết.

+ Đối với vụ án “Cố ý gây thương tích”: Không xem xét giải quyết.

+ Đối với vụ án “Cướp giật tài sản” của bị hại Hoàng Nguyễn Hoài T1:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 584, 585, 586, 587, 590, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Khải D và bị cáo Lê Khải T, mỗi bị cáo thực hiện bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại (chị H5 Nguyễn Hoài T1), với số tiền là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi thường do tài sản bị xâm phạm cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tiếp tục tạm giữ và đăng thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm, để truy tìm và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đối với 01 (một) chiếc xe Luvias, biển số 83P2-011.64, số khung: RLCL1SK10DY002899, số máy: 1SK1-002896; nếu quá thời hạn nêu trên mà không có người thừa nhận hợp pháp thì trả lại cho anh Ôn Chí T2.

(Theo biên bản giao - nhận vật chứng lập ngày 25/4/2023, tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 8, TP .).

+ Tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) USB màu xám, hiệu Kingston (được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q để trong một bì thư màu trắng và đánh số bút lục là 318a).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo: Lê Khải D, Lê Khải T, Lưu Hoàng P, Lý Bình C; mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo: Lê Khải D, Lê Khải T; mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến

quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Trú